

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

TRẦN QUANG HIỀN

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI
PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÁC ĐƠN VỊ XÂY LẬP TRỰC
THUỘC CÔNG TY HỮU NGHỊ NAM LÀO**

Chuyên ngành: KẾ TOÁN

Mã ngành : 60.34.30

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ QUẢN TRỊ KINH DOANH

Đà Nẵng, Năm 2009

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: TS. ĐOÀN THỊ NGỌC TRAI

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn đã được bảo vệ tại Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày tháng 01 năm 2010.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin-Học liệu, Đại học Đà Nẵng.
- Thư viện trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tên đề tài

Hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ (KSNB) chi phí Sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc Công ty Hữu Nghị Nam Lào.

2. Tính cấp thiết của đề tài

Công ty Hữu Nghị Nam Lào là đơn vị mới thành lập (2007), xây lắp là hoạt động chính trong giai đoạn mới thành lập; địa bàn hoạt động rộng, gồm cả Việt Nam và Lào. Ban Giám đốc là Sĩ quan Quân đội, chưa quen với việc quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh. Đội ngũ nhân viên và công nhân có tuổi đời trẻ, mới ra trường chưa có kinh nghiệm.

Với mục tiêu và nhiệm vụ do Bộ Quốc phòng đặt ra: “...*kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty và hoàn thành các nhiệm vụ do Bộ Quốc Phòng giao*”, đã đặt ra cho công ty Hữu Nghị Nam Lào một thách thức lớn.

Vì vậy, kiểm soát nội bộ quá trình thực hiện chi phí sản xuất (CPSX), đặc biệt là kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty này là vấn đề cấp thiết.

3. Mục đích nghiên cứu

Về lý luận: Mục đích nghiên cứu của luận văn là làm rõ các cơ sở lý luận về công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất.

Về thực tiễn: Thông qua việc tìm hiểu, thu thập, tổng hợp, phân tích thông tin từ thực tiễn tại các đơn vị xây lắp trực thuộc Công ty Hữu Nghị Nam Lào, phát hiện những hạn chế trong công tác kiểm soát CPSX và đưa ra các giải pháp phù hợp nhằm hoàn thiện công tác KSNB CPSX ở các đơn vị này.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu về công tác kiểm soát chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp, bao gồm cả môi trường kiểm soát, tổ chức thông tin phục vụ cho kiểm soát và các thủ tục kiểm soát cụ thể.

Phạm vi nghiên cứu của đề tài: Luận văn nghiên cứu tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào.

5. Phương pháp nghiên cứu

Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã sử dụng những phương pháp: Phương pháp duy vật biện chứng, phương pháp thống kê, tổng hợp, phân tích, so sánh lý luận và thực tiễn kiểm soát chi phí sản xuất ở các đơn vị thi công xây lắp.

6. Kết cấu của luận văn

Chương 1: Cơ sở lý luận về công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong doanh nghiệp xây lắp.

Chương 2: Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc Công ty Hữu Nghị Nam Lào.

Chương 3: Phương hướng và giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc Công ty Hữu Nghị Nam Lào.

Chương 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG DOANH NGHIỆP XÂY LẮP

1.1. Khái niệm, chức năng, mục tiêu, ý nghĩa của hệ thống KSNB

1.1.1. Khái niệm về hệ thống KSNB

Hiện nay, có nhiều khái niệm về hệ thống kiểm soát nội bộ (KSNB), một trong những khái niệm được thừa nhận rộng rãi nhất là:

KSNB là hệ thống gồm các chính sách, tiêu chuẩn, thủ tục được thiết lập tại đơn vị nhằm cung cấp một sự đảm bảo hợp lý trong việc thực hiện các mục tiêu: Bảo vệ tài sản của đơn vị không bị sử dụng lãng phí, gian lận hoặc không hiệu quả; cung cấp dữ liệu kế toán chính xác và đáng tin cậy; thúc đẩy và đánh giá sự chấp hành các chính sách của đơn vị; đánh giá hiệu quả hoạt động và hiệu năng quản lý của đơn vị.

KSNB được chia thành hai loại: kiểm soát kế toán và kiểm soát quản lý.

1.1.2.Chức năng

Chức năng của hệ thống KSNB là, hoạch định, giám sát, ngăn chặn các sai phạm, ra quyết định và kiểm soát.

1.1.3.Mục tiêu

Việc thiết lập, duy trì và hoàn thiện công tác KSNB nhằm các mục tiêu sau:

- *Đối với thông tin kế toán:* Số liệu kế toán phải đảm bảo tính trung thực, chính xác, kịp thời, đầy đủ và có thể so sánh được.

- *Đối với công tác quản lý:* KSNB đảm bảo hợp lý việc chấp hành, tuân thủ pháp luật cũng như các quy định nội bộ của đơn vị. Việc chấp hành và tuân thủ phải được thực hiện bởi tất cả các thành viên trong đơn vị.

1.1.4.Ý nghĩa của hệ thống KSNB

Một hệ thống KSNB tốt có ý nghĩa:

- Giúp cho việc quản lý hoạt động kinh doanh của đơn vị hiệu quả hơn, giảm bớt các rủi ro tiềm tàng;

- Bảo vệ tài sản của đơn vị khỏi bị hư hỏng, mất mát. Ngăn ngừa các gian lận và sai sót, đảm bảo tính chính xác và trung thực số liệu, báo cáo kế toán;

- Đảm bảo mọi thành viên tuân thủ nội quy, quy chế, quy trình hoạt động của tổ chức cũng như các quy định của pháp luật;

- Đảm bảo tổ chức hoạt động hiệu quả, sử dụng tối ưu các nguồn lực và đạt được mục tiêu đề ra.

1.2.Các thành phần của hệ thống KSNB

Thông thường hệ thống KSNB bao gồm ba bộ phận: Môi trường kiểm soát, Hệ thống kế toán và các Thủ tục kiểm soát.

1.2.1.Môi trường kiểm soát

Môi trường kiểm soát phản ánh sắc thái chung của một đơn vị, chi phối ý thức kiểm soát của mọi thành viên trong đơn vị và là nền tảng của các bộ phận khác của KSNB. Môi trường kiểm soát bao gồm các nhân tố bên trong và bên ngoài đơn vị có ảnh hưởng đến quá trình thiết kế, sự hình thành và tính hữu hiệu của KSNB.

Các nhân tố chính của môi trường kiểm soát bao gồm: Đặc thù quản lý; Cơ cấu tổ chức; Chính sách nhân sự; Công tác kế hoạch; Kiểm toán nội bộ và các nhân tố bên ngoài.

1.2.2.Hệ thống kế toán

Kế toán là một môn khoa học thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về tài sản, nguồn hình thành tài sản và sự vận động của tài sản trong các tổ chức.

Một tổ chức kế toán hữu hiệu thì thông tin kế toán phải đảm bảo các mục tiêu: Tính có thực; Sự phê chuẩn; Tính đầy đủ; Sự đánh giá; Sự phân loại; Sự đúng hạn; Chuyển số và tổng hợp báo cáo chính xác.

1.2.3.Thủ tục kiểm soát

Thủ tục kiểm soát là toàn bộ các quy trình, các chính sách do nhà quản lý thiết lập nhằm mục đích giúp đơn vị kiểm soát các rủi ro có thể gặp phải. Các thủ tục kiểm soát kiểm soát của từng đơn vị có thể có sự khác nhau do đặc điểm riêng về cơ cấu tổ chức, ngành nghề kinh doanh của từng đơn vị. Song đặc trưng chung nhất của các thủ tục kiểm soát là được xây dựng dựa trên ba nguyên tắc: Nguyên tắc phân công, phân nhiệm; Nguyên tắc bắt buộc nhiệm và Nguyên tắc uỷ quyền và phê chuẩn.

1.3. Đặc điểm về hoạt động kinh doanh xây lắp ảnh hưởng đến công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất

1.3.1.Đặc điểm về sản phẩm xây lắp

Xây lắp là hoạt động xây dựng mới, mở rộng, khôi phục, cải tạo lại hay hiện đại hoá các công trình dân dụng, công nghiệp, đường sá, cầu cống... nhằm phục vụ cho sản xuất và đời sống xã hội. Cũng như các hoạt động khác, hoạt động kinh doanh xây lắp có những đặc điểm riêng biệt ảnh hưởng đến quản lý và kiểm soát như: Một số hạng mục nằm dưới nước, trong lòng đất, trải dài trên nhiều km; Thời gian thi công dài; Lực lượng công nhân và xe máy lớn...

1.3.2.Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của các doanh nghiệp xây lắp

Cơ cấu tổ chức và quản lý của các doanh nghiệp xây lắp rất đa

dạng và có sự thay đổi, do sản phẩm xây lắp có những đặc thù riêng so với các sản phẩm công nghiệp khác. Thông thường cơ cấu tổ chức của các đơn vị xây lắp được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, gồm có: Ban Giám đốc; Các phòng ban chức năng; Các đơn vị trực thuộc.

1.3.3.Đặc điểm về chi phí sản xuất trong hoạt động xây lắp

Chi phí là toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá được biểu hiện bằng tiền mà đơn vị bỏ ra trong một giai đoạn kinh doanh nhất định, bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí gián tiếp.

Chi phí trực tiếp (chi phí sản xuất) là chi phí kết tinh trong sản phẩm xây lắp, gồm: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung.

Chi phí gián tiếp (chi phí thời kỳ) là chi phí phát sinh trong một thời gian nhất định phục vụ cho quá trình trực tiếp tạo ra sản phẩm, gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Điểm khác biệt của CPSX trong sản phẩm xây lắp so với các sản phẩm khác là chi phí máy thi công. Chi phí máy thi công đối với công trình cầu, đường là rất lớn và khó kiểm soát.

1.4 Tổ chức kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong hoạt động kinh doanh xây lắp

1.4.1.Tạo lập môi trường kiểm soát

Khi tạo lập môi trường kiểm soát trong các công trình xây dựng cần chú ý đến các yếu tố sau:

Một là, phong cách, đạo đức, tinh thần làm việc của nhà quản lý ảnh hưởng trực tiếp đến phong cách, đạo đức, tinh thần làm việc của nhân viên.

Hai là, công tác tuyển dụng, đào tạo và bố trí công việc phù hợp thì phát huy hết khả năng cống hiến của nhân viên.

Ba là, tổ chức thành lập bộ máy quản lý tại các công trường một cách khoa học và thành lập Ủy ban kiểm soát thực hiện chức năng giám sát, kiểm tra, tham mưu cho Ban Giám đốc.

1.4.2.Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát nội bộ chi

phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp

Để kiểm soát cần phải có thông tin đầy đủ, một hệ thống thông tin đầy đủ phải có hai nhân tố đó là: Thông tin dự toán và thông tin thực hiện.

1.4.2.1 Thông tin dự toán

Thông tin dự toán trong hoạt động xây lắp là hệ thống các tiêu chuẩn định mức. Bộ Xây dựng đã ban hành hệ thống định mức xây lắp (*Công văn 1776&1777/CV-BXD ngày 14/9/2006, quy định về định mức xây dựng cơ bản; Thông tư 05/TT-BXD ngày 15/4/2009 quy định đơn giá tiền lương*); về đơn giá vật liệu và hệ số nhân công do Sở Tài chính qui định. Thông tin dự toán phải chi tiết, cụ thể và so sánh được với thông tin thực hiện.

1.4.2.2 Thông tin thực hiện

Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất trong các doanh nghiệp xây lắp là đi tổ chức hệ thống thông tin kế toán cho việc đo lường các chi phí sản xuất thực tế phát sinh trong quá trình thi công các công trình. Mục tiêu đặt ra là thông tin kế toán phải phù hợp với thông tin dự toán để phục vụ cho việc phân tích, rà soát.

1.4.3.Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong quá trình xây lắp

Để kiểm soát tốt chi phí sản xuất cần phải có các thủ tục kiểm soát hữu hiệu, các thủ tục đó phải kiểm soát ngay lúc chi phí phát sinh (kiểm soát hiện hành). Nhưng để hiệu quả hơn, cần phải có một thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX .

1.4.3.1 Các thủ tục kiểm soát CPSX hiện hành

+ Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu (NVL)

Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu bao gồm thủ tục kiểm soát cung ứng nguyên vật liệu về chất lượng và giá cả; thủ tục kiểm soát vật tư sử dụng về số lượng...

+Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công

Bao gồm thủ tục kiểm soát ngày công lao động, đơn giá ngày công và kiểm soát năng suất lao động.

+ Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

Bao gồm thủ tục kiểm soát chi phí trực tiếp liên quan đến xe máy thi công như: Chi phí cho nhân viên lái xe, máy thi công, chi phí nhiên liệu chạy máy thi công; thủ tục kiểm soát ca máy thi công từng hạng mục; thủ tục kiểm soát năng suất sử dụng máy thi công.

+ Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Bao gồm thủ tục kiểm soát chi phí nhân công quản lý công trình, thủ tục kiểm soát vật tư sử dụng chung cho công trình, thủ tục kiểm soát các chi phí mua ngoài khác...

1.4.3.2 Các thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí sản xuất

Thực chất của các thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX là phân tích sự biến động của CPSX thông qua việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng.

+ Phân tích biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bằng phương pháp thay thế liên hoàn việc phân tích biến động của CPNVL trực tiếp được thể hiện qua bảng 1.1 được trình bày trong Luận văn.

+ Phân tích biến động chi phí nhân công trực tiếp: Tương tự như cách phân tích CPNVL trực tiếp, việc phân tích chi phí nhân công trực tiếp được thể hiện qua bảng 1.2 được trình bày trong Luận văn.

+ Phân tích biến động chi phí sử dụng máy thi công: Đối với chi phí sử dụng máy thi công được phân tích theo bảng 1.3 được trình bày trong Luận văn.

+ Phân tích biến động chi phí sản xuất chung: Phân tích chi phí sản xuất chung, là đi phân tích các yếu tố chi phí ảnh hưởng đến chi phí sản xuất chung. Cụ thể biến động này được phân tích qua bảng 1.4 được trình bày trong Luận văn.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Trong chương 1, luận văn đã hệ thống hóa những lý luận cơ bản về kiểm soát nội bộ nói chung và dựa trên các đặc điểm riêng của hoạt động sản xuất xây lắp để đưa ra lý luận về kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất trong quá trình xây lắp.

Chương 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ VỀ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÁC ĐƠN VỊ XÂY LẮP TRỰC THUỘC CÔNG TY HỮU NGHỊ NAM LÀO

2.1. Giới thiệu về công ty Hữu Nghị Nam Lào

2.1.1. Lịch sử hình thành Công ty

Công ty Hữu Nghị Nam Lào thuộc Quân Khu 5 được thành lập Quyết định số 131/2006/QĐ – BQP ngày 19 tháng 7 năm 2006 của Bộ Trưởng Bộ Quốc Phòng.

2.1.2. Đặc điểm hoạt động Công ty

2.1.2.1. Địa bàn hoạt động

Công ty có địa bàn hoạt động gồm cả Việt Nam và Lào

2.1.2.2. Ngành, nghề kinh doanh

Công ty Hữu nghị Nam Lào thuộc Quân Khu 5, được phép hoạt động trong các Ngành, nghề kinh doanh: Tư vấn các dự án đầu tư, khảo sát thiết kế xây dựng; Xây dựng các công trình; Khai thác khoáng sản; Sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng; Trồng rừng và cây công nghiệp.

2.1.2.3 Các hoạt động sản xuất kinh doanh đã triển khai

Trong những năm qua, công ty đã triển khai hai hoạt động kinh doanh chính đó là: Xây dựng và Trồng cây công nghiệp.

2.2. Giới thiệu về hệ thống kiểm soát nội bộ tại công ty Hữu Nghị Nam Lào và các đơn vị trực thuộc

2.2.1. Môi trường kiểm soát

2.2.1.1. Đặc thù quản lý

Công ty Hữu Nghị Nam Lào là doanh nghiệp nhà nước có cơ cấu tổ chức chặt chẽ. Ban Giám đốc là Đảng viên, Sỹ quan quân đội nhân dân Việt Nam có tính kỷ luật cao, ngoài việc tuân thủ các nghiệp vụ chuyên môn, còn chịu sự lãnh đạo của Đảng ủy Quân Khu 5.

2.2.1.2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty

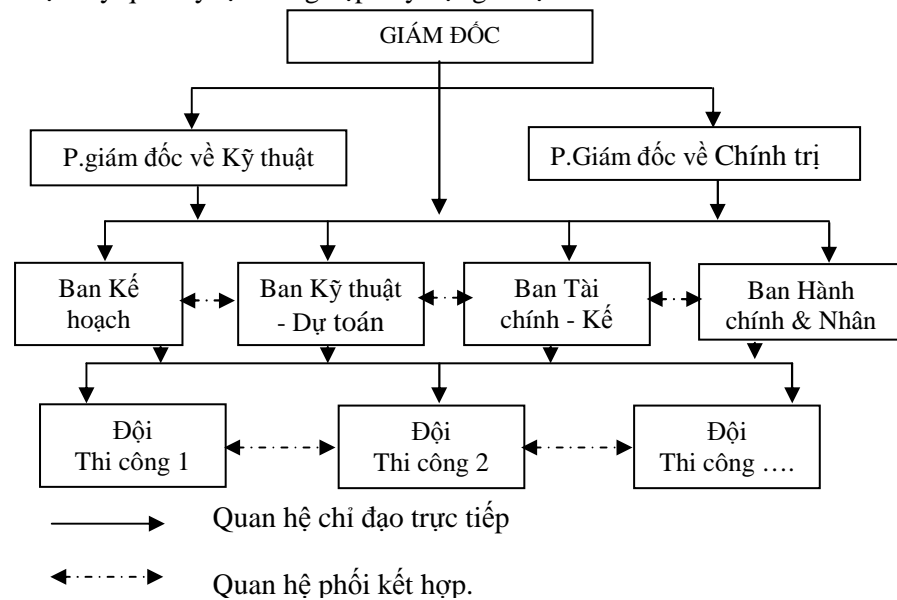
Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý tại công ty gồm có: Ban Giám đốc công ty, các phòng ban và các đơn vị trực thuộc. Chức năng nhiệm vụ các phòng ban công ty được quy định cụ thể trong qui chế hoạt động của công ty.

2.2.1.3. Tổ chức bộ máy quản lý tại các đơn vị trực thuộc

Hiện nay, Công ty có 01 Nông trường trồng cao su; 01 Nông trường trồng cà phê; 01 Trung tâm Tư vấn kỹ thuật xây dựng và nông lâm (Trung tâm); 01 Xí nghiệp xây dựng; 01 Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Bộ máy quản lý tại các đơn vị trực thuộc về cơ bản là giống nhau.

- Bộ máy quản lý tại Xí nghiệp xây dựng:

Bộ máy quản lý tại Xí nghiệp xây dựng được tổ chức theo sơ đồ 2.2



Sơ đồ 2.2 tổ chức bộ máy quản lý tại Xí nghiệp xây dựng

- Bộ máy quản lý tại Trung tâm tư vấn kỹ thuật xây dựng và nông lâm (Trung tâm): Được tổ chức giống như Bộ máy quản lý tại Xí nghiệp xây dựng. Bên cạnh thực hiện hoạt động xây lắp, Trung tâm còn tổ chức thêm hoạt động Tư vấn thiết kế, do đó trong bộ máy

có thêm Đội khảo sát và Đội thiết kế.

2.2.1.4. Chính sách nhân sự

Chính sách nhân sự ở một đơn vị được thể hiện qua cách thức tuyển dụng, bố trí và chế độ khen thưởng, kỷ luật. Thực tế công tác tuyển dụng, đào tạo và bố trí nhân viên chưa phù hợp. Chưa có tiêu chí cụ thể cho từng vị trí, công tác tuyển dụng chưa công khai, bố trí công việc có chỗ chưa phù hợp với chuyên môn.

2.2.1.5. Công tác kế hoạch

Công ty và các đơn vị trực thuộc đã thành lập bộ phận kế hoạch chuyên trách, song hoạt động chưa hiệu quả. Chỉ giao kế hoạch chứ chưa tổ chức đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch.

2.2.1.6. Các nhân tố bên ngoài

Các nhân tố bên ngoài ảnh hưởng trực tiếp đến công ty, gồm: Hệ thống pháp luật, phong tục tập quán của địa phương, chủ đầu tư, đối thủ cạnh tranh, nhà cung cấp và ngân hàng.

2.2.2. Hệ thống kế toán

Tuy có hoạt động đầu tư tại Lào, nhưng hiện nay Công ty chỉ thực hiện chế độ kế toán của Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trên báo cáo là tiếng Việt. Đồng tiền hạch toán là Việt nam đồng.

Các đơn vị trực thuộc công ty được phân cấp tài chính, nên toàn bộ chi phí sản xuất phát sinh tại các đơn vị trực thuộc nào thì được kế toán của đơn vị đó tập hợp ghi sổ sau đó tổng hợp báo cáo lên công ty vào cuối kỳ.

Cuối mỗi quý và cuối niên độ kế toán năm các đơn vị trực thuộc lập báo cáo kế toán gửi về Phòng Kế toán Công ty; căn cứ vào báo cáo của các đơn vị trực thuộc Phòng Kế toán Công ty tổng hợp và lập báo cáo kế toán chung cho toàn Công ty báo cáo Phòng tài chính Quân khu 5.

2.2.2.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức theo mô hình tập trung, gồm: Kế toán trưởng, Kế toán tổng hợp, Kế toán thanh toán, Kế toán vật tư, Kế toán XDCB & TSCĐ và Thủ quỹ.

Trung tâm và Xí nghiệp xây dựng cùng tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, mọi nghiệp vụ kinh tế đều được tổng hợp và xử lý tại Ban Tài chính - kế toán. Bộ máy kế toán gồm: Kế toán trưởng, Kế toán tổng hợp; Kế toán vật tư, thanh toán; Thủ quỹ và kê khai thuế. Ở các đội thi công có Kế toán công trình, có nhiệm vụ thu thập, phân loại chứng từ sau đó chuyển về Ban tài chính - kế toán.

2.2.2.2 Hình thức kế toán áp dụng

Tại công ty áp dụng hình thức Chứng từ ghi sổ; tại Trung tâm áp dụng theo hình thức Nhật ký chung; tại Xí nghiệp xây dựng áp dụng theo hình thức Chứng từ ghi sổ. Việc áp dụng hình thức không đồng nhất giữa công ty và các đơn vị trực thuộc sẽ gây khó khăn cho việc tổng hợp số liệu và lập báo cáo kế toán hợp nhất toàn công ty.

Hệ thống chứng từ sổ sách và báo cáo kế toán của công ty và các đơn vị trực thuộc được thực hiện theo quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

2.2.3 Thủ tục kiểm soát nội bộ tại công ty và các đơn vị trực thuộc

Các thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất của công ty và các đơn vị trực thuộc dựa trên 3 nguyên tắc: Phân công phân nhiệm, bất kiêm nhiệm, ủy quyền phê chuẩn. Cụ thể sẽ được trình bày tại phần thực trạng kiểm soát của đơn vị (mục 2.3)

2.3. Thực trạng công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào

Công tác KSNB gồm, môi trường kiểm soát, hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát và các thủ tục kiểm soát. Về môi trường kiểm soát luận văn đã trình bày ở phần giới thiệu công ty. Vì vậy, trong phần này luận văn đi sâu vào việc tìm hiểu công tác tổ chức hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát và các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất.

2.3.1 Tổ chức hệ thống thông tin phục vụ KSNB CPSX tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào

Hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát bao gồm: Hệ thống thông tin dự toán và Hệ thống thông tin dự toán. Để kiểm soát tốt thì

mục tiêu là phải xây dựng hệ thống thông tin dự toán khoa học; tổ chức thông tin thực hiện chính xác, kịp thời và phù hợp với thông tin dự toán.

2.3.1.1. Tổ chức hệ thống thông tin dự toán

Hệ thống định mức trong hoạt động xây lắp đã được Bộ Xây dựng ban hành. Các khoản mục chi phí trong sản phẩm xây lắp gồm: Chi phí NVL, chi phí NC, CPMTC và Chi phí SXC. Nhưng CPMTC và chi phí SXC chưa xây dựng định mức cho từng khoản mục chi phí cụ thể.

2.3.1.2. Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện

Hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào chủ yếu là hệ thống thông tin kế toán.

Tại các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào đã tổ chức bộ máy kế toán để ghi chép, phản ánh các khoản mục CPSX và tổ chức hệ thống sổ sách kế toán theo đúng chế độ kế toán qui định. Nhưng đối tượng hạch toán chi phí sản xuất chưa phù hợp với đối tượng lập dự toán. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất cho toàn bộ công trình, không tập hợp chi phí riêng cho từng hạng mục nhỏ, điều này không đáp ứng được công tác kiểm soát.

2.3.2. Thủ tục kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào

Thủ tục kiểm soát là toàn bộ các quy trình, các chính sách do nhà quản lý thiết lập nhằm mục đích giúp đơn vị kiểm soát các rủi ro có thể gặp phải, bao gồm: Thủ tục kiểm soát hiện hành và Thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX.

2.3.2.1. Thủ tục kiểm soát hiện hành

- *Thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu:* Các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào đều chú ý đến kiểm soát chi phí cả trong cung ứng, giá cả, sử dụng và bảo quản nguyên vật liệu. Thủ tục kiểm soát nguyên vật liệu đã được các đơn vị xây dựng thành qui trình, nhưng chưa đầy đủ. Chưa thành lập ban mua sắm để lựa chọn

nhà cung cấp, chưa có ban kiểm nghiệm chất lượng vật tư trước khi nhập kho và chưa giao trách nhiệm cho cá nhân quản lý vật tư sau khi xuất kho (vật tư đang ở trên công trường). Thủ tục kiểm soát sau (phân tích rà soát) đối với CPSX chưa được thực hiện

- *Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công trực tiếp:* Thực tế tại các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào thủ tục kiểm soát CPNC trực tiếp chưa được thiết kế rõ ràng.

Đơn giá ngày công được các đơn vị quản lý thông qua các hợp đồng lao động. Ngày công lao động quản lý theo hình thức chấm công. Chi phí nhân công chưa được xây dựng trên năng suất lao động.

- *Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công:*

+ Đối với máy thi công thuê ngoài: Thực tế cho thấy, việc kiểm soát CPMTC thuê ngoài mới thực hiện được mặt lượng, chưa kiểm soát mặt chất. Các đơn vị không kiểm soát được năng suất MTC, cứ căn cứ vào giờ máy hoạt động để thanh toán, không so sánh, đối chiếu khối lượng sản phẩm hoàn thành.

+ Đối với máy thi công của đơn vị: Tình trạng xe máy thi công không được kiểm tra định kỳ mà chỉ khi nào có sự hư hỏng thì mới tiến hành sửa chữa. Vì vậy, tại các công trình đã xảy ra việc ngừng sản xuất do sự hư hỏng bất thường của máy thi công. Các xí nghiệp chưa có các quy định trách nhiệm cho người điều khiển xe máy trong việc bảo quản và sử dụng hiệu quả thiết bị. Do chưa có bãi tập kết và vật che chắn máy thi công tại các công trình nên các xe máy này chịu sự ảnh hưởng rất lớn của thời tiết gây nên sự hư hỏng nhanh chóng. Chưa xây dựng định mức cho từng khoản mục CPMTC. Định kỳ chưa thực hiện việc phân tích rà soát năng suất MTC.

- *Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung*

Đối với khoản mục chi phí chung, các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào chưa xây dựng thủ tục kiểm soát. Các khoản

mục thuộc chi phí chung chưa được lập thành danh mục theo khoản mục kế toán (chi phí tiền lương quản lý và các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác) và chưa xây dựng định mức cho từng khoản mục đó. Vì vậy, khi hạch toán, Kế toán hạch toán chi phí chung vào các khoản mục chi phí theo chủ quan, do đó rất khó kiểm soát.

2.3.2.2. *Thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX*

Thực chất của các thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX là phân tích sự biến động của CPSX thông qua việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng. Thực tế tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào chưa thực hiện thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX.

2.4. Những hạn chế trong công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào

Thực tiễn kiểm soát chi phí sản xuất các công trình xây dựng tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào cho thấy công tác kiểm soát chi phí các công trình này còn nhiều hạn chế trong tất cả các bộ phận: Môi trường kiểm soát, Tổ chức thông tin và Các thủ tục kiểm soát. Cụ thể:

* **Môi trường kiểm soát:** Môi trường kiểm soát chưa được xây dựng hợp lý, chưa thành lập Ủy ban kiểm soát và các trung tâm kiểm soát chi phí cho mỗi công trình, Giám đốc Xí nghiệp kiêm luôn Giám đốc Trung tâm. Chính sách nhân sự tại các đơn vị trực thuộc chưa rõ ràng cả về tiêu chuẩn lẫn quy trình tuyển chọn, đào tạo và bố trí nhân sự chưa hợp lý.

* **Tổ chức hệ thống thông tin:** Tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào việc tổ chức hệ thống thông tin phục vụ cho kiểm soát chưa phù hợp giữa thông tin dự toán và thông tin thực hiện. Chi phí máy thi công và chi phí sản xuất chung chưa được lập thành danh mục cụ thể và xây dựng định mức cho từng khoản mục chi phí để phục vụ cho quá trình kiểm soát. Hình thức kế

toán áp dụng tại các đơn vị trực thuộc không thống nhất. Đối tượng hạch toán chi phí chưa tương ứng với đối tượng lập dự toán.

* **Thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất:** Các thủ tục kiểm soát chi phí tại các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào còn đơn giản, chưa quy định trách nhiệm cụ thể cho từng cá nhân trong quá trình thực hiện chi phí. Thủ tục kiểm soát nguyên vật liệu cũng chưa chặt chẽ ở khâu kiểm soát giá, chất lượng vật tư lúc mua; chưa quy định rõ trách nhiệm của từng cá nhân trong khâu sử dụng vật tư tại công trường. Các thủ tục kiểm soát chi phí nhân công, máy thi công và sản xuất chung chưa được thiết kế. Tất cả các thủ tục kiểm soát của các đơn vị không được phổ biến rộng rãi trong toàn thể cán bộ, nhân viên.

Thủ tục kiểm soát sau đối với chi phí chưa được thực hiện; chưa tổ chức phân tích, rà soát, cân đối chi phí thực tế và định mức ngay sau khi hạng mục nhỏ của công trình hoàn thành.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Trong chương này, Luận văn giới thiệu về công ty Hữu Nghị Nam Lào, trình bày thực trạng và nêu ra những hạn chế trong công tác KSNB CPSX tại hai đơn vị xây lắp trực thuộc công ty này (Xí nghiệp xây dựng, Trung tâm tư vấn và nông lâm) với sự minh họa thực tế kiểm soát nội bộ chi phí xây lắp công trình Nhà khách T18.

Chương 3

CÁC GIẢI PHÁP NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KIỂM SOÁT NỘI BỘ CHI PHÍ SẢN XUẤT TẠI CÁC ĐƠN VỊ XÂY LẮP TRỰC THUỘC CÔNG TY HỮU NGHỊ NAM LÀO

3.1 Hoàn thiện môi trường kiểm soát

3.1.1. Hoàn thiện chính sách nhân sự

Từ thực trạng, vấn đề đặt ra là phải hoàn thiện lại chính sách nhân sự tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào, cụ thể:

- Việc tuyển dụng nhân viên phải được thực hiện công khai

theo trình tự: Thiết lập tiêu chuẩn cho từng vị trí; thông báo tuyển nhân viên trên các phương tiện thông tin đại chúng; nhận và sàng lọc hồ sơ; phỏng vấn trực tiếp; kiểm tra nghiệp vụ.

- Đề xuất với Quân Khu 5 bổ nhiệm ngay Giám đốc Trung tâm để không phải kiêm nhiệm, nâng cao hiệu quả điều hành.

3.1.2. Hoàn thiện lại cơ cấu tổ chức

Đối với cơ cấu tổ chức, Công ty cần thành lập Ủy ban kiểm soát và Bộ máy quản lý công trình.

Ủy ban kiểm soát độc lập với Ban giám đốc các đơn vị trực thuộc. Ủy ban này hoạt động độc lập với các bộ phận trong các xí nghiệp và chịu trách nhiệm trước công ty Hữu Nghị Nam Lào, không chịu sự quản lý của bộ máy quản lý tại các xí nghiệp. Ủy ban kiểm soát tại các xí nghiệp bao gồm các chuyên môn: Quản lý, kế toán, kỹ thuật xây dựng, phân tích thống kê. Ủy ban kiểm soát chỉ quan hệ với các bộ phận của xí nghiệp về quan hệ phối hợp công việc. Bộ máy quản lý công trình được Luận văn trình bày theo sơ đồ 3.1.

3.2. Hoàn thiện hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào

Hệ thống thông tin phục vụ kiểm soát CPSX bao gồm: Hệ thống thông tin dự toán và Hệ thống thông tin thực hiện.

3.2.1. Hoàn thiện hệ thống thông tin dự toán chi phí sản xuất

3.2.1.1. Hoàn thiện việc xây dựng định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Định mức này đã được Bộ Xây dựng thí nghiệm và đưa ra thành tiêu chuẩn trong xây dựng. Dựa vào hệ thống định mức đó Luận văn cụ thể hoá thành các công thức tính toán để dễ dàng cho việc kiểm tra, kiểm soát như sau:

+ Đối với các hạng mục chính của các công trình như phần xây lắp nhà, xây lắp cầu, đường thì định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lập theo công thức:

$$VL_{d,j} = \sum_{i=1} (P_{d,j} \times q_i \times Q_{d,i})$$

Trong đó:

$VL_{d,j}$: Định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp j

$P_{d,j}$: Đơn giá định mức của vật liệu j

q_i : Khối lượng vật liệu định mức dùng cho 1 đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i

$Q_{d,i}$: Khối lượng xây lắp định mức của hạng mục i

$i = 1, n$: Hạng mục công trình, j: Loại vật liệu

+ Đối với các hạng mục phụ trợ như điện, nước, chống sét, biển báo... thì định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được lập theo công thức:

$$VL_{d,j} = \sum_{i=1}^n (P_{d,j} \times Q_{d,i})$$

3.2.1.2. Hoàn thiện việc xây dựng định mức chi phí nhân công trực tiếp

Tương tự như định mức chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, định mức chi phí nhân công trực tiếp đã được Bộ Xây dựng quy định. Dựa vào hệ thống định mức đó Luận văn cụ thể hoá thành các công thức tính toán như sau:

$$NC_d = \sum_{i=1}^n (pnc_{d,z} \times n_{d,i} \times Q_{d,i})$$

Trong đó:

NC_d : Tổng định mức chi phí nhân công trực tiếp

$pnc_{d,z}$: Đơn giá tiền lương một ngày công của loại nhân công z

$n_{d,i}$: Ngày công định mức cho 1 đơn vị khối lượng XL hạng mục i

$Q_{d,i}$: Khối lượng xây lắp định mức của hạng mục i

$i = 1, n$: Hạng mục công trình, z: Loại nhân công

3.2.1.3. Hoàn thiện việc xây dựng định mức chi phí sử dụng máy thi công

Định mức chi phí sử dụng máy thi công là chi phí tối đa phục vụ cho xe máy thi công một hạng mục công trình. Định mức này đã được Bộ Xây dựng quy định theo tiêu chuẩn. Luận văn cụ thể hoá định mức chi phí máy thi công thành công thức sau:

$$M_{bd} = \sum_{i=1}^n (pm_{d,i} \times c_{d,i} \times Q_{d,i})$$

Trong đó:

M_{bd} : Định mức chi phí sử dụng máy thi công;

$pm_{d,i}$: Đơn giá định mức một ca máy thi công hạng mục i;

$c_{d,i}$: Định mức ca máy thi công một đơn vị khối lượng xây lắp hạng mục i;

$Q_{d,i}$: Khối lượng xây lắp định mức một hạng mục công việc.

Căn cứ vào định mức chi phí MTC do Bộ xây dựng quy định, các đơn vị xây lắp lập danh mục chi phí và xây dựng định mức cho từng khoản mục.

3.2.1.4. Hoàn thiện việc xây dựng định mức chi phí chung

Theo quy định của chế độ kế toán chi phí chung bao gồm: Tiền lương quản lý; vật liệu và dụng cụ dùng chung cho cả công trình; khấu hao; tiền điện nước, điện thoại và các chi phí bằng tiền khác. Theo quy định của Bộ xây dựng CP chung được tính theo một tỷ lệ nhất định trên chi phí trực tiếp. Vì vậy để thực hiện tốt quá trình kiểm soát cần xây dựng định mức chi phí chung hợp lý. Căn cứ tổng chi phí chung theo quy định của bộ xây dựng, các đơn vị xây lắp phải lập danh mục chi phí chung và tính toán cụ thể định mức từng khoản mục chi phí: Tiền lương nhân viên quản lý, vật liệu, công cụ dụng cụ, khấu hao... Một số khoản mục chi phí như: Điện thoại, chi phí tiếp khách ... nên khoán gọn.

3.2.2 Hoàn thiện hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất

Tổ chức hệ thống thông tin thực hiện chi phí sản xuất tại các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào là đi tổ chức hệ thống kế toán đo lường, tập hợp, ghi chép các chi phí sản xuất phát sinh tại các công trình phù hợp với hệ thống thông tin dự toán dự toán. Vì vậy, đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại các công trình phải là từng hạng mục công trình nhỏ: Phần Móng, Phần Thân tầng 1, Phần thân tầng 2... Đối với các khoản mục chi phí như: Máy thi công, Chi phí sản xuất chung, Kế toán phải căn cứ vào nội dung chi phí để hạch toán vào các khoản mục phù hợp.

3.3 Hoàn thiện các thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất

Thủ tục kiểm soát là toàn bộ các quy trình, các chính sách do nhà quản lý thiết lập nhằm mục đích giúp đơn vị kiểm soát các rủi ro có thể gặp phải. Các thủ tục kiểm soát này bao gồm: Thủ tục kiểm soát hiện hành và thủ tục kiểm soát sau quá trình thực hiện chi phí sản xuất.

3.3.1. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát hiện hành

3.3.1.1. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nguyên vật liệu

Để kiểm soát tốt chi phí nguyên vật liệu cần phải kiểm soát các khâu: Cung ứng nguyên vật liệu về chất lượng và giá cả, thủ tục xuất kho, thủ tục kiểm soát vật tư sử dụng về số lượng. Cụ thể:

+ Thủ tục kiểm soát nội bộ cung ứng nguyên vật liệu :Giải pháp mà luận văn đưa ra là phải có sự phê chuẩn về chất lượng và giá cả trước khi mua vật tư (được trình bày chi tiết trong Luận văn).

+Thủ tục kiểm soát xuất kho và sử dụng vật tư: Qui định trách nhiệm của từng cá nhân trong quá trình xuất kho vật tư, cụ thể: Đội trưởng thi công lập phiếu yêu cầu xuất vật tư; Kế toán trưởng, Chi huy trưởng ký duyệt phiếu đề nghị và phiếu xuất; Kế toán lập phiếu xuất; Thủ kho xuất theo phiếu xuất. Sau khi vật tư xuất ra khỏi kho thì Đội trưởng thi công phải quản lý vật tư trên công trường đảm bảo sử dụng đúng định mức, không bị mất mát, lãng phí.

3.3.1.2. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí nhân công

- *Đối với các hạng mục giao khoán:* Chi phí nhân công được tính dựa vào đơn giá thỏa thuận và khối lượng hoàn thành. Vì vậy, để kiểm soát tốt cần phải có sự phê chuẩn đơn giá trước khi ký hợp đồng. Mặt khác bố trí nhân viên Kỹ thuật giám sát thi công đảm bảo chất lượng.

- *Đối với các hạng mục tự tổ chức thi công:* Thủ tục kiểm soát gồm: Số ngày công, đơn giá ngày công và kiểm soát năng suất lao động.

+ Thủ tục kiểm soát số ngày công lao động được thực hiện thông qua việc chấm công.

+ Thủ tục kiểm soát đơn giá ngày công được thực hiện thông qua việc ký hợp đồng lao động.

+ Thủ tục kiểm soát năng suất lao động được thực hiện thông qua việc nghiệm thu khối lượng từng hạng mục công trình nhỏ hoàn thành.

3.3.1.3. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công

- *Đối với máy thi công thuê ngoài:* CPMTC được tính dựa vào đơn giá thỏa thuận và khối lượng hoàn thành. Vì vậy, để kiểm soát tốt cần phải có sự phê chuẩn đơn giá trước khi ký hợp đồng. Mặt khác bố trí nhân viên Kỹ thuật điều hành thi công khoa học, đảm bảo tiến độ.

- *Đối với máy thi công của đơn vị:* Thủ tục kiểm soát chi phí sử dụng máy thi công bao gồm thủ tục kiểm soát chi phí trực tiếp liên quan đến xe máy thi công như: Chi phí cho nhân viên lái xe máy thi công, chi phí nhiên liệu chạy máy thi công; thủ tục kiểm soát ca máy thi công từng hạng mục; thủ tục kiểm soát năng suất sử dụng máy thi công.

+ Thủ tục kiểm soát chi phí nhân công lái xe máy thi công được thực hiện thông qua hợp đồng nhân công lái máy thi công.

+ Thủ tục kiểm soát chi phí nhiên liệu chạy máy thi công được thực hiện thông qua định mức tiêu hao nhiên liệu cho từng máy thi công, thời gian máy hoạt động.

+ Thủ tục kiểm soát năng suất sử dụng máy thi công được thực hiện thông qua việc nghiệm thu khối lượng hoàn thành.

3.3.1.4. Hoàn thiện thủ tục kiểm soát chi phí sản xuất chung

Chi phí sản xuất chung của các công trình xây dựng bao gồm: Chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên quản lý công trình, chi phí vật liệu, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao TSCĐ, chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác phục vụ thi công các công trình.

Thủ tục kiểm soát các khoản mục chi phí tiền lương, vật liệu ...được thực hiện giống như các thủ tục kiểm soát CPNVL trực tiếp,

CPNC trực tiếp. Riêng chi phí khấu hao TSCĐ là một khoản định phí không thay đổi khi khối lượng thi công thay đổi, nhưng nó thay đổi khi thời gian thi công thay đổi (phương pháp khấu hao theo đường thẳng). Vì vậy, để hạ thấp chi phí khấu hao TSCĐ mục tiêu chính là phải đẩy nhanh tiến độ thi công.

3.3.2. Bổ sung các thủ tục kiểm soát sau quá trình thực hiện chi phí sản xuất

Thực tế tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào chưa thực hiện thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX.

Thực chất của các thủ tục kiểm soát sau đối với CPSX là phân tích sự biến động của CPSX thông qua việc sử dụng phương pháp thay thế liên hoàn để tìm ra các nhân tố ảnh hưởng.

3.3.2.1. Phân tích tình hình thực hiện CPNVL trực tiếp:

Biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp do 2 nhân tố gây nên: Biến động về giá và biến động về lượng nguyên vật liệu tiêu hao.

Biến động về giá nguyên vật liệu (ΔP) được tính theo công thức:

$$\Delta P = \sum_{j=1}^n (P_{1,j} - P_{d,j}) \times M_{d,j}$$

Với $M_{1,i} = q_i \times Q_{1,i}$, $M_{d,i} = q_i \times Q_{d,i}$

Biến động về lượng nguyên vật liệu (ΔM) được tính theo công thức:

$$\Delta M = \sum_{j=1}^n (P_{1,j} \times (M_{1,j} - M_{d,j}))$$

Tổng biến động chi phí nguyên vật liệu trực tiếp được tính theo công thức: $\Delta VL = \Delta P + \Delta M$

Nguyên nhân của sự gia tăng này có thể do các nguyên nhân: Giá cả thị trường tăng; thủ tục kiểm soát giá mua chưa chặt, còn có sự thông đồng tăng giá; thủ tục nhập xuất vật tư chưa chặt chẽ, còn có sự thông đồng để tăng lượng nhập và hợp lý số lượng xuất; công tác quản lý vật tư tại công trường chưa chặt chẽ, sử dụng vật tư lãng phí, mất mát.

Tại công trình Nhà khách T18, chi phí nguyên vật liệu trực

tiếp tăng hơn so với định mức là 201.361.656 đồng do giá nguyên vật liệu tăng làm tăng 54.287.619 đồng và lượng nguyên vật liệu tiêu hao tăng làm tăng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 147.074.037 đồng.

Khối lượng vật liệu xây lắp của từng hạng mục không gia tăng, việc gia tăng chi phí NVL trực tiếp. Điều này cho thấy, công tác kiểm soát giá vật liệu mua vào và lượng nguyên vật liệu sử dụng không hiệu quả, cần xác định rõ nguyên nhân và có biện pháp xử lý triệt để.

3.3.2.2. Phân tích tình hình thực hiện chi phí nhân công trực tiếp

Phân tích chi phí sự biến động chi phí nhân công trực tiếp là đi phân tích sự ảnh hưởng của 2 nhân tố: Biến động về giá của một ngày công và biến động về năng suất lao động.

Biến động về giá của một ngày công (Δpnc) được tính bằng công thức:

$$\Delta pnc = \sum_{i=1}^n (pnc_{1,j} - pnc_{d,j}) \times N_{d,i}$$

Biến động của năng suất lao động (ΔN) được tính bằng công thức:

$$\Delta N = \sum_{i=1}^n pnc_{1,z} (N_{1,i} - N_{d,i})$$

Tổng biến động chi phí nhân công trực tiếp được tính theo công thức:

$$\Delta NC = \Delta pnc + \Delta N$$

Nguyên nhân của sự biến động: Tại công trình đường Nhà khách T18, chi phí nhân công trực tiếp tăng 77.193.967 đồng do giá nhân công làm tăng 50.315.477 đồng do năng suất lao động giảm làm tăng chi phí nhân công 26.878.490 đồng. Giá nhân công vào thời điểm cuối năm 2007 và đầu năm 2008 đã có sự gia tăng do nhu cầu lao động xây lắp các khu dân cư mới tăng và do lạm phát, đây là một yếu tố khách quan khó kiểm soát được. Năng suất giảm là do các yếu tố sau: Bậc thợ của công nhân không đúng với thực tế, làm việc chây

lười; Công tác tổ chức, bố trí thi công chưa khoa học, quản lý ngày công chưa chặt chẽ; Vật tư thiếu, máy móc không đồng bộ...

3.3.2.3. Phân tích tình hình thực hiện chi phí sử dụng máy thi công

Chi phí sử dụng máy thi công chịu ảnh hưởng của hai nhân tố: Biến động về giá ca máy và Năng suất máy thi công.

* Biến động về giá ca máy thi công (ΔM_b) được tính như sau:

$$\Delta Pm = \sum (pm_{1,i} - pm_{d,i}) \times T_{d,i}$$

* Biến động năng suất máy thi công (ΔT) được tính bằng công thức:

$$\Delta T = \sum (T_{1,i} - T_{d,i}) \times pm_{1,i}$$

Tổng biến động chi phí máy thi công được tính theo công thức:

$$\Delta M = \Delta pm + \Delta T$$

Nguyên nhân của sự biến động: Tại công trình Nhà khách T18, chi phí sử dụng máy thi công có sự biến động tăng 10.029.940 đồng do giá ca máy thi công tăng làm tăng 2.984.270 đồng và năng suất máy thi công giảm làm cho chi phí tăng 7.045.670 đồng. Điều này cho thấy việc quản lý máy thi công chưa chặt chẽ, cần phải kiểm tra các khâu: Hợp đồng thuê máy thi công, năng suất máy thi công; nhiên liệu xuất dùng và các chi phí liên quan đến máy thi công.

3.3.2.4. Phân tích tình hình thực hiện chi phí chung

Đối với chi phí chung việc phân tích, rà soát cũng được thực hiện theo từng khoản mục chi phí: Tiền lương quản lý, vật liệu, công cụ phục vụ thi công, khấu hao tài sản cố định, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

Tại công trình Nhà khách T18 định mức chi phí chung là 535.813.953 đồng, chi phí chung thực tế là 503.350.520 đồng giảm 32.463.433 đồng. Đây là một dấu hiệu tốt cho công tác kiểm soát.

KẾT LUẬN CHƯƠNG 3

Từ thực tiễn, luận văn đã đưa ra những giải pháp với hy vọng sẽ hoàn thiện công tác kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại Xí nghiệp xây dựng và Trung tâm tư vấn xây dựng và Nông lâm trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào.

KẾT LUẬN

Kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất các công trình là vấn đề mà mọi công ty xây dựng đều quan tâm. Ở nước ta hiện nay, lãng phí thất thoát trong đầu tư xây dựng cơ bản là một thách thức nghiêm trọng. Một trong những nguyên nhân gây ra tình trạng trên là thiếu sự kiểm soát của các cơ quan chủ quản trong quá trình quản lý, giám sát chi phí đầu tư, làm cho giữa các doanh nghiệp không có sự cạnh tranh lành mạnh.

Trước bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế, đến lúc các công ty xây dựng nói chung và công ty Hữu Nghị Nam Lào nói riêng phải quan tâm đến việc hạ chi phí và giá thành sản phẩm xây lắp.

Luận văn đã đặt ra và giải quyết tương đối đầy đủ vấn đề kiểm soát nội bộ chi phí sản xuất tại các đơn vị xây lắp trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào. Giải pháp được xây dựng có cơ sở và hợp lý.

Mặc dù đã rất cố gắng, nhưng do trình độ nhận thức của tác giả còn hạn hẹp, thông tin về chi phí tại các đơn vị còn mang tính bảo mật và không phản ánh hết thực trạng của quá trình thực hiện chi phí nên luận văn còn nhiều hạn chế. Song với sự hướng dẫn tận tình của TS Đoàn Thị Ngọc Trai, bằng kiến thức đã nghiên cứu, tác giả muốn đóng góp một phần nhỏ bé vào quá trình kiểm soát chi phí sản xuất ở các đơn vị xây lắp nói chung và các đơn vị trực thuộc công ty Hữu Nghị Nam Lào nói riêng.

Tác giả luận văn

Trần Quang Hiên